

CÔNG TY TNHH FGB VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẾ VÕ BẮC NINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên chi nhánh

Tên chi nhánh viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH FGB VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẾ VÕ BẮC NINH

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0105935000-002

3. Ngày đăng ký thành lập: 03/06/2013

4. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Quế Tân, Xã Quế Tân, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0946023839

Fax:

Email: fgb.vietnam@gmail.com

Website: thufood.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn gạo	4631(Chính)
2.	Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột)	4632
3.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
4.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao)	4649
5.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường)	4659
7.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm: Mua bán trực tuyến qua mạng, bán hàng đa cấp.)	4791
8.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
9.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071

10.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
11.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
12.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh ((trừ mỹ phẩm có hại cho sức khoẻ con người))	2023
13.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
14.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: - Rang và lọc cà phê ; - Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc ; - Sản xuất các chất thay thế cà phê ; - Trộn chè và chất phụ gia ; - Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm ; - Sản xuất súp và nước xuýt ; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn ; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc ; - Sản xuất giấm ; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo ; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: bánh sandwich, bánh pizza. Nhóm này cũng gồm: - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã) ; - Sản xuất men bia ; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm ; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng ; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt ;)	1079
15.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
16.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn)	2599
17.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
18.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
19.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
20.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
21.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
22.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
23.	Sản xuất đường	1072
24.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073

25.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
26.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
27.	Dịch vụ đóng gói	8292
28.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động ((Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường))	5610
29.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) ((Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường))	5621
30.	Dịch vụ ăn uống khác (Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể. Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống Cung cấp suất ăn theo hợp đồng Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường))	5629
31.	Hoạt động tư vấn quản lý (Chi tiết: - Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý.(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);)	7020
32.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính. - Dạy nấu ăn (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép))	8559
33.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
34.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động ((Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động))	7830
35.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Chi tiết: Khắc phục sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm)	6209
36.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa ((Trừ: Hoạt động cho thuê kho bãi, kinh doanh bất động sản))	5210
37.	In ấn	1811

38.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
39.	Quảng cáo	7310
40.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
41.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí (Chi tiết: xe đạp)	7721
42.	Cho thuê xe có động cơ (Chi tiết: xe máy)	7710
43.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
44.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
45.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
46.	Lập trình máy vi tính	6201
47.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
48.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan ((không bao gồm cho thuê hạ tầng mạng))	6311
49.	Cổng thông tin ((trừ hoạt động báo chí);)	6312
50.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
51.	Xây dựng nhà các loại	4100
52.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
53.	Xây dựng công trình công ích	4220
54.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm ;)	4290
55.	Phá dỡ	4311
56.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
57.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
58.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

59.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, + Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp,)	4390
60.	Thu gom rác thải độc hại	3812
61.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
62.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
63.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
64.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
65.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác (Chi tiết: - Vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cát, ống thông gió, các bộ phận của ống; - Vệ sinh bể bơi hoặc bảo dưỡng; - Vệ sinh máy móc công nghiệp; - Vệ sinh tàu hỏa, xe buýt máy bay...; - Vệ sinh đường xá;)	8129
66.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
67.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
68.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
69.	Chăn nuôi lợn	0145
70.	Chăn nuôi gia cầm	0146
71.	Đại lý	46101

Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam:

6. Vốn điều lệ:

7. Vốn pháp định: 0 VNĐ

[illegible]

Họ và tên: Giới tính:

Chức danh: *Giám đốc*

Ngày sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh